

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TÂY NINH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 28-6-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lưu Bích Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Lục;
2. Ông Võ Hồng Châu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Ngọc Vinh, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Khổng Thị Thu, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 491/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Cát P, sinh năm 1994; cư trú tại: Khu phố 2, Phường 1, thành phố TN, tỉnh TN; có đơn xin xét xử vắng mặt.
2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Hoàng H, sinh năm 1994; cư trú tại: Khu phố HL, phường HN, thành phố TN, tỉnh TN; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 9 năm 2020 của nguyên đơn chị Nguyễn Cát P trình bày:*

Chị và anh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1. Sau khi cưới, vợ chồng chị về chung sống cùng gia đình anh H tại khu phố HL, phường HN, thành phố TN. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc. Cuộc sống vợ

chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn vào năm 2015, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm, sau đó chị về sống chung với cha mẹ ruột. Vợ chồng chị đã tự ly thân từ năm 2015 đến nay; từ đó, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, không còn liên lạc, tình cảm phai nhạt, không còn hạnh phúc. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 người con chung là cháu Đỗ Hoàng Phương Nhi, sinh ngày 18-6-2013, hiện đang sống cùng với chị. Cháu Nhi rất khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nhi, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã niêm yết, tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh Đỗ Hoàng H đến Toà án lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên toà nhưng anh H vắng mặt nên không thể hiện được lời trình bày và yêu cầu của anh H.

*- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh H.

- Về con chung: Giao 01 con chung tên Đỗ Hoàng P Nhi cho chị P nuôi dưỡng, ghi nhận chị P không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đưa ra giải quyết.

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn là chị Nguyễn Cát P có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Đỗ Hoàng H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị P, anh H là có căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, được nuôi con nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về Ly hôn, tranh chấp nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại khu phố HL, phường HN, thành phố TN, tỉnh TN nên căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Cát P và anh Đỗ Hoàng H tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2013, trước khi chung sống vợ chồng hai anh chị có tìm hiểu với nhau trước, việc xây dựng gia đình được sự đồng ý của hai bên gia đình, có đăng ký kết hôn vào ngày 05-8-2013 tại Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố TN, tỉnh TN. Chị Nguyễn Cát P và anh Đỗ Hoàng H xây dựng gia đình với nhau là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị P và anh H chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm, đến năm 2015 thì không còn hạnh phúc do phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm, không dung hòa được. Trong năm 2015, chị P đã dọn về nhà cha mẹ ruột tại khu phố 2, Phường 1, thành phố TN, tỉnh TN để sinh sống, chị P và anh H sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Đỗ Hoàng H nhiều lần để hòa giải giữa hai bên nhưng anh H không đến Tòa án cho thấy anh H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị P trình bày vợ chồng chị có 01 con chung tên Đỗ Hoàng Phương Nhi, sinh ngày 18-6-2013, hiện cháu Nhi đang sống với chị P. Chị P yêu cầu được nuôi cháu Nhi.

Xét thấy, cháu Nhi hiện nay đang sống với chị P ổn định, cháu Nhi rất khỏe mạnh, phát triển bình thường; mặt khác, tại Biên bản lấy lời khai ngày 21-10-2020 thể hiện nguyện vọng của cháu Nhi được sống với mẹ, do đó giao cháu Đỗ Hoàng P Nhi cho chị Nguyễn Cát P tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh Đỗ Hoàng H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại các Điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Cát P, anh Đỗ Hoàng H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Cát P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” của chị Nguyễn Cát P đối với anh Đỗ Hoàng H. Chị Nguyễn Cát P và anh Đỗ Hoàng H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao 01 con chung tên Đỗ Hoàng P Nhi, sinh ngày 18-6-2013 cho chị Nguyễn Cát P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ghi nhận chị Nguyễn Cát P không yêu cầu anh Đỗ Hoàng H cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đỗ Hoàng H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Cát P phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000614 ngày 07-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh TN. Chị Nguyễn Cát P đã nộp đủ án phí.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Văn Lực**

**Võ Hồng Châu**

**Lưu Bích Thảo**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND. TPTN;
- Chi Cục THADS. TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**Lưu Bích Thảo**

